



Trung tâm Tin học và Thống
kê

Cục Chế biến và Phát triển thị
trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông
thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 7/2019

1 Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 7/2019 ước đạt 3,55 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2019 đạt 23,03 tỷ USD, tăng 2% cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 10,84 tỷ USD, giảm 8,2%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt gần 4,7 tỷ USD, giảm 1%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,39 tỷ USD, tăng 6,3%; và giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 6,01 tỷ USD, tăng 17,3%. Tính trong 6 tháng đầu năm 2019, bốn thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản và Hàn quốc chiếm thị phần lần lượt là 20,8% (giá trị giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2018), 20,4% (tăng 11,7%), 8,4% (tăng 10,5%) và 5,2% (giảm 4,3%).

Giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 7/2019 ước đạt 2,52 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 7 tháng đầu năm đạt 18,01 tỷ USD, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 15,14 tỷ USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2018; giá trị nhập khẩu chăn nuôi đạt 324 triệu USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ năm 2018. Ba thị trường nhập khẩu chính trong 6 tháng đầu năm 2019 là: Mỹ, Trung Quốc và Argentina chiếm 33,56% tổng thị phần nhập khẩu.

Giá lúa gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có xu hướng tăng nhẹ vào cuối tháng. Giá lợn hơi trong nước biến động tăng tại miền Bắc do nguồn cung thịt lợn không còn dồi dào bởi ảnh hưởng từ dịch tả lợn châu Phi. Giá thu mua gà và trứng tại trại giảm do nguồn cung dồi dào. Tại Cần Thơ, thương lái thu gom mít Thái trái tươi đóng hàng xuất sang Trung Quốc khá mạnh đã đẩy giá mít tăng trở lại. Giá cà phê giảm do áp lực bán hàng vụ mới tiếp tục đè nặng các thị trường cà phê kỳ hạn. Giá bán buôn cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua tiếp tục xu hướng giảm do lượng bắt của các doanh nghiệp ở mức thấp, chủ yếu bắt cá ao nhà và hạn chế mua

ngoài. Giá tôm nguyên liệu trong tháng 7 có xu hướng giảm khá mạnh với tôm sú và tôm thẻ chân trắng do hiện nay số lượng đơn hàng xuất khẩu của các công ty thấp nên các công ty chỉ mua để lưu kho.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Trên thị trường thế giới, giá gạo xuất khẩu tại châu Á biến động trái chiều trong tháng qua. Dự báo thời tiết đang chuyển hướng tích cực hơn dù thu hoạch sẽ muộn hơn. Gạo tiêu chuẩn 5% tấm Thái Lan giảm từ 413 USD/tấn xuống còn 402 USD/tấn, gạo đỏ 5% tấm Ấn Độ tăng từ 374 USD/tấn lên 377 USD/tấn, gạo 5% tấm Việt Nam tăng từ 335 USD/tấn lên 350 USD/tấn.

Trong khi đó, giá lúa, gạo tại khu vực ĐBSCL có xu hướng tăng nhẹ về cuối tháng, đặc biệt tại An Giang tăng khá mạnh. Nhu cầu trên thế giới vẫn trầm lắng, đặc biệt là khu vực châu Á (Trung Quốc và Indonesia chưa có nhiều tín hiệu) làm thị trường trở nên ảm đạm hơn. Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, như An Giang, lúa IR50404 ở mức 4.300 đ/kg, tăng 500 đ/kg; lúa OM 5451 ở mức 5.000 đ/kg, tăng 900 đ/kg; lúa OM4218 ở mức 4.900 đ/kg, tăng 800 đ/kg so với đầu tháng; gạo IR50404 ở mức 10.000 – 11.000 đ/kg; gạo chất lượng cao ở mức 13.000 đ/kg; gạo thơm đặc sản jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 ổn định ở mức 3.900 đ/kg; gạo IR50404 ở mức 12.000 đ/kg; gạo jasmine ở mức 14.000 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 ở mức 4.600 đ/kg, giảm 200 đ/kg; lúa OM 4218 ở mức 5.200 – 5.300 đ/kg; lúa OM 6976 ở mức 5.200 – 5.300 đ/kg; lúa Jasmine ở mức 5.800 – 5.900 đ/kg, ổn định so với đầu tháng. Dự báo giá lúa, gạo trong nước có thể tăng trong thời gian tới do nhu cầu cải thiện.

Khối lượng gạo xuất khẩu tháng 7/2019 ước đạt 651 nghìn tấn với giá trị đạt 285 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 4,01 triệu tấn và 1,73 tỷ USD, tăng 2,1% về khối lượng nhưng giảm 14,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Tính trong 6 tháng đầu năm, Philippin đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 33,7% thị phần và các thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Bờ Biển Ngà (tăng 67,4%), Hồng Kông (tăng 55,9%) và Ả rập xê út (tăng 38,1). Giá gạo xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2019 đạt 431 USD/tấn, giảm 15% so với cùng kỳ năm 2018. Về chủng loại xuất khẩu, trong 6 tháng đầu năm 2019, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 46,8% tổng kim ngạch; gạo Jasmine và gạo thơm chiếm

38,3%; gạo nếp chiếm 8,4% và gạo Japonica, gạo giống Nhật chiếm 5,9%. Về gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn là Trung Quốc (52,9%); Phillipines (19,6%).

2. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản tháng 7 năm 2019 ước đạt 134 nghìn tấn với giá trị đạt 53 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,33 triệu tấn tương ứng với 515 triệu USD, theo đó, giảm 16,1 về khối lượng và giảm 13,1% so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường Hàn Quốc tăng 31,2% về lượng và 38,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc vẫn tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2019 chiếm tới 88% tỷ trọng xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản của Việt Nam. Xuất khẩu bình quân tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, nhu cầu nhập khẩu sản lát và tinh bột sản của Trung Quốc từ Việt Nam và Thái Lan đang có xu hướng giảm, thay vào đó là tăng cường nhập khẩu từ Lào và Campuchia. Ngoài ra, Trung Quốc ngày càng tăng cường kiểm soát nghiêm ngặt các quy định về nhãn mác, bao bì, thông tin sản phẩm tinh bột sản Việt Nam và siết chặt nhập khẩu qua kênh biên mậu.

3

Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân tháng 7/2019 của Việt Nam đạt 396 USD/tấn, tăng 5,96% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản giảm nhẹ, đạt 427 USD/tấn, giảm 7,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi, giá xuất khẩu sản lát bình quân của Việt Nam trong tháng 7/2019 đạt 263 USD/tấn, tăng 22,8% so với cùng kỳ năm trước. Giá nguyên liệu sản tại các vùng cũng đang có xu hướng giảm nhẹ do đầu ra gặp khó khăn. Giá sản thu mua tại Tây Ninh dao động quanh mức 2.300 – 2.500 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg so với cuối tháng 6/2019. Tại Kon Tum, giá sản thu mua dao động quanh mức 2.200 – 2.400 đồng/kg.

Trong thời gian tới, nguồn cung sản và sản phẩm từ sản trở nên khan hiếm hơn. Thực tế, các nhà máy sản xuất tinh bột đã kết thúc mùa vụ 2018 – 2019, ngừng hoạt động để bảo trì máy móc chờ đón vụ mới. Sản lượng sản tại Tây Nguyên có thể không đạt như dự kiến do thời tiết nắng nóng kéo dài cộng thêm dịch khảm lá lan rộng khiến năng suất giảm mạnh. Hạn hán và dịch bệnh đe dọa cũng làm giảm năng suất sản của Thái Lan trong niên vụ 2019 – 2020. Mặt khác, do hạn chế nhập khẩu sản lát từ đầu năm 2019 nên lượng sản lát còn tồn kho tại Trung Quốc giảm, thêm vào đó, nguồn cung nhập khẩu còn từ Mỹ giảm do thuế nhập khẩu cao (thuế 45%). Dự đoán rằng trong thời gian tới, xuất khẩu sản lát sẽ khởi sắc trở lại, trong khi xuất khẩu tinh bột sản sẽ gặp phải nhiều cạnh tranh từ Campuchia và Lào.

3. Rau quả

Tháng 7 là thời điểm vào thu hoạch vụ thanh long với niềm vui được mùa được giá của bà con nông dân. Hiện giá bao tiêu thanh long là 16.000-25.000đ/kg, mức giá này cao hơn so với năm trước. Được biết, trong tháng 6, giá thanh long chính vụ mua tại vườn ở Bình Thuận đạt mức giá kỷ lục 30.000 đ/kg, nhưng sau đó giảm xuống mức 14.000 - 16.000 đ/kg và hiện đang có chiều hướng tăng lên.

Hiện sầu riêng đang vào vụ thu hoạch, giá loại quả này xuống khá thấp. Vào những ngày đầu tháng 7/2019, giá sầu riêng ghép Ri6 loại 1 thương lái mua vào chưa tới 30.000 đ/kg so với giá đầu mùa 60.000 - 70.000 đ/kg. Sầu riêng giống ghép Thái Lan, Đôn... ở mức 40.000 - 50.000 đ/kg, so với mọi năm chính vụ giá cao vào khoảng 80.000 - 100.000 đ/kg. Tại Cần Thơ, thương lái thu gom hàng mít Thái trái tươi đóng hàng xuất sang Trung Quốc khá mạnh đã đẩy giá mít tăng trở lại. Thương lái thu mua 3 loại: Loại 1 trái to trên 8kg/trái, giá 26.000 đ/kg, cao hơn so với tuần trước (11.000-13.000 đ/kg); mít loại 2 từ 6-8 kg/trái giá 13.000 đ/kg; mít loại 3 từ 4-6 kg/trái giá 11.000 đ/kg.

4

Trong tháng 7/2019, thị trường rau củ tại Lâm Đồng tương đối ổn định so với tháng trước chỉ có một số loại rau như ớt chuông, hành lá tăng nhẹ do nguồn cung giảm, trong khi nhu cầu không biến động. Tháng 7 cũng là thời điểm nắng nóng kéo dài tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ như Thanh Hóa, đã ảnh hưởng đến những khu vực rau an toàn tại đây. Tuy nhiên, người dân nơi đây lại được giá hành tươi tăng giá đột ngột với mức giá là 9.000-10.000 đ/kg, cao hơn mức giá 6.000-7.000 đ/kg tháng trước.

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 7/2019 ước đạt 269 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 2,31 tỷ USD, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 71,94% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 1,05% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Tiếp đến là Mỹ với 70,23 triệu USD, chiếm 3,37%, Hàn Quốc với 65,33 triệu USD, chiếm 3,14%, Nhật Bản với 60,55 triệu USD, chiếm 2,91%,... Ngoài ra, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Cameroon (10,16 lần), Cộng hòa Dominican (8,37 lần), Guam (5,11 lần), Papua New Guinea (4,76 lần), ...

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 7/2019 ước đạt 145 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2019 đạt 1,14 tỷ USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 313 triệu

USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ 2018 và mặt hàng quả đạt 778 triệu USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 6 tháng đầu năm 2019 là Thái Lan (chiếm 40,3% thị phần), Trung Quốc (21,83%), Mỹ (11,49%), Úc (7,66%), ...

Sắp tới, khi EVFTA sẽ được phê chuẩn cùng với Hiệp định CPTPP vừa có hiệu lực và ký kết một số Hiệp định khác trong tương lai dự kiến sẽ mang lại những lợi thế nhất định, tạo cơ sở cho Việt Nam đẩy mạnh ngành rau quả mở rộng thị trường xuất khẩu. Theo đó, doanh nghiệp cần tiến hành toàn diện từ nghiên cứu cơ hội, thách thức của thị trường EU và 10 thị trường khối CPTPP đến các giải pháp như nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm; phát huy lợi thế cạnh tranh, tăng hiệu suất... Mặt khác, để tận dụng được ưu đãi từ Hiệp định, doanh nghiệp cần đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật và vệ sinh an toàn động thực vật của các nước nhập khẩu có yêu cầu cao như EU.

4. Cà phê

5 Xuất khẩu cà phê tháng 7/2019 ước đạt 157 nghìn tấn với giá trị đạt 253 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cà phê 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1,08 triệu tấn và 1,82 tỷ USD, giảm 8,2% về khối lượng và giảm 19,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm, Đức và Mỹ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 13,7% và 9,4%. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2019 đạt 1.706 USD/tấn, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Trên thị trường thế giới, trong tháng 7/2019, giá cà phê thế giới biến động giảm. Nếu như đầu tháng 7/2019, giá sàn Robusta tại London, nơi các nhà kinh doanh cà phê Việt Nam thường sử dụng để tham chiếu, vẫn còn giao dịch ở khu vực 1.490 đô la Mỹ/tấn thì đến những ngày từ 15/7 đến 17/7 đã giảm gần 100 đô la mỗi tấn. Giá cà phê giảm do áp lực bán hàng vụ mới tiếp tục đè nặng các thị trường cà phê kỳ hạn.

Thị trường cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 6/2019, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 200 – 400 đ/kg xuống còn 32.700 – 33.800 đ/kg. Lượng tồn kho trong nước không nhiều nên người giữ hàng có tâm lý kỳ vọng giá cà phê nội địa sẽ tăng lên mức 35-36 triệu đồng/tấn. Tuy nhiên, do lượng cà phê Việt Nam còn ít nên mức độ ảnh hưởng lên giá kỳ hạn tại sàn London rất hạn chế. Dự báo, sự kháng giá hiện hành tại thị trường nội địa của các nước xuất khẩu sẽ sớm kéo giá cà phê trong nước và thế giới ra khỏi vùng giá thấp. Tuy vậy,

áp lực bán Robusta từ Brazil vẫn lớn sẽ gây sức ép đáng kể cho giá cà phê trên thị trường London.

5. Chè

Khối lượng xuất khẩu chè tháng 7 năm 2019 ước đạt 11 nghìn tấn với giá trị đạt 23 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu chè 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 68 nghìn tấn, tương đương 122 triệu USD, giảm 0,4% về khối lượng nhưng tăng 20% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá chè xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2019 đạt 1.731 USD/tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Các thị trường chính của chè Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2019 tiếp tục là Pakistan, Đài Loan, Trung Quốc, Nga và Indonesia, với thị phần của 5 quốc gia này đạt 73,3% tổng kim ngạch xuất khẩu chè của Việt Nam, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên, xuất khẩu có sự biến động không đồng nhất giữa các thị trường. Trong khi xuất khẩu sang Pakistan, Đài Loan tăng mạnh thì xuất khẩu sang Nga và Indonesia lại giảm cả về lượng và giá trị. Đáng chú ý là thị trường Trung Quốc, mặc dù lượng xuất khẩu chè của Việt Nam sang thị trường này các tháng đầu năm 2019 giảm đến 41,3% nhưng giá trị lại tăng tới 45,5% so với cùng kỳ năm trước. Trên thị trường thế giới, thị trường chè toàn cầu dự báo sẽ đạt 7,58 triệu tấn vào năm 2024, chủ yếu nhờ nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng tăng và sự thúc đẩy sản xuất các sản phẩm chè cao cấp, hướng đến sức khỏe cho người tiêu dùng của các nhà sản xuất chè.

Thị trường chè nguyên liệu trong nước ổn định. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là 105.000 đ/kg. Tại Lâm Đồng, giá chè cành ổn định ở mức 8.500 đ/kg, chè hạt 7.000 đ/kg.

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 7/2019 ước đạt 24 nghìn tấn, với giá trị đạt 62 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 201 nghìn tấn, tương đương 514 triệu USD, tăng 32,5% về khối lượng nhưng giảm 0,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2019 đạt 2.557 USD/tấn, giảm 25,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Trong nửa đầu năm 2019, Mỹ vẫn là thị trường lớn nhất của tiêu Việt Nam, chiếm 17,1% tổng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam. Tuy nhiên, thị phần của Mỹ và hầu hết các nước khác đều giảm so với cùng kỳ năm 2018, ngoại trừ thị trường Đức.

Mặc dù giá tiêu xuất khẩu đang trong xu hướng giảm, nhưng kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang Đức vẫn tăng 7,9% trong 6 tháng đầu năm 2019 nhờ lượng xuất khẩu tăng tới 45,1%, góp phần nâng thị phần của thị trường này tăng từ 4,2% lên 4,6%.

Tại thị trường trong nước, giá tiêu có xu hướng giảm trong tháng 7/2019. So với tháng trước, giá tiêu tại Đắk Lắk, Đắk Nông và Bà Rịa Vũng Tàu giảm 1.000 đ/kg xuống còn 45.000 – 46.000 đ/kg. Giá tiêu tại Gia Lai giảm 500 đ/kg xuống mức 44.000 đ/kg. Giá tiêu tại Đồng Nai vẫn giữ mức 44.000 đ/kg. Nguyên nhân chủ yếu do áp lực dư cung tiếp tục tăng khi hai nước sản xuất lớn gồm Indonesia và Brazil đã bước vào vụ thu hoạch, và tồn kho của các nước sản xuất lớn vẫn còn nhiều. Thêm vào đó, sự suy yếu của đồng tiền Real của Brazil so với đồng USD khiến cho những người sản xuất của nước này có xu hướng bán nhanh sản phẩm tiêu thay vì giữ hàng.

Dự báo, giá tiêu thời gian tới sẽ không có biến động mạnh do nguồn cung hạt tiêu trên toàn thế giới vẫn đang được bổ sung, trong khi nhu cầu không có sự tăng trưởng đáng kể. Tuy nhiên, trong dài hạn, áp lực dư cung giảm có khả năng hỗ trợ giá tiêu toàn cầu tăng.

7. Điều

Trong tháng 7/2019, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 39 nghìn tấn với giá trị 294 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 235 nghìn tấn và 1,8 tỷ USD, tăng 13,3% về khối lượng nhưng giảm 10% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Mỹ, Trung Quốc và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2019, chiếm thị phần lần lượt là 32,3%, 14,9% và 9,5% tổng giá trị. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2019 đạt 7.612 USD/tấn, giảm 21,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Việt Nam nhập khẩu hạt điều thô phục vụ công nghiệp chế biến chủ yếu từ các thị trường như Bờ Biển Ngà, Campuchia, Indonesia trong đó Bờ Biển Ngà nhập nhiều nhất 214,6 nghìn tấn, trị giá 305,9 triệu USD, tăng 67,1% về lượng và tăng 12,56% về trị giá so với 6 tháng năm 2018. Đứng thứ hai về lượng hạt điều nhập khẩu là thị trường Campuchia đạt 170,5 nghìn tấn, trị giá 287 triệu USD, tăng 68,82% về lượng và 41,04% về trị giá so với cùng kỳ.

Trong tháng 7/2019, giá điều thô tiếp tục diễn biến giảm. Cụ thể, điều thô mua xô tại Bình Phước không thay đổi ở mức 34.500 đ/kg, trước đó ngày 12/7, giá điều giảm xuống 32.500 đ/kg; tại Đồng Nai ổn định ở mức 46.000 đ/kg. Nhiều chuyên gia, việc

nhập khẩu điều thô tại thời điểm hiện tại đang tiềm ẩn nhiều rủi ro nên các doanh nghiệp cần thận trọng. Trong tháng 7/2019, lượng điều thô tiếp tục cập cảng Việt Nam với số lượng lớn. Tuy nhiên, khác với những năm trước, vào thời gian này khi điều thô cập cảng số lượng lớn thường xảy ra hiện tượng bán nhân ô ạt nhưng năm nay hiện tượng này không xảy ra. Đây được xem là tín hiệu tích cực nhất từ trước đến nay và dự báo thị trường nhân xuất khẩu sẽ giữ giá như hiện tại và có thể sẽ tăng trong thời gian tới nhưng mức tăng không lớn. Trong bối cảnh giá điều thô nhập khẩu có xu hướng tăng trong tương lai và giá điều nhân xuất khẩu diễn biến thất thường, các doanh nghiệp chế biến điều nên cân nhắc kỹ lưỡng việc ký hợp đồng tương lai khi không có lãi hoặc chưa có dự trữ điều thô trong kho.

Trên thị trường thế giới, giá điều Ấn Độ biến động tăng, giảm trái chiều so với tháng trước. Cụ thể, điều nhân WW180 (tính theo đồng Rupit của Ấn Độ) tăng giá lên mức 1077,5 Rs/kg, tăng 22,5 Rs/kg; điều nhân loại WW210 ở mức 945 Rs/kg, tăng 20 Rs/kg; tuy nhiên điều nhân loại WW240 giảm xuống mức 745 Rs/kg, giảm 40 Rs/kg; điều nhân loại WW320 giảm xuống còn 605 Rs/kg, giảm 60 Rs/kg so với tháng 6/2019. Chất lượng điều thô Tây Phi hiện tại hầu hết là chất lượng kém, chế biến không hiệu quả, không nên mua nguyên liệu ở mức quá cao.

8

8. Cao su

Ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 7/2019 đạt 168 nghìn tấn với giá trị đạt 235 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cao su 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 782 nghìn tấn và 1,08 tỷ USD, tăng 10,7% về khối lượng và tăng 6,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Trung Quốc, Ấn Độ, và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt là 62,2%, 8,8% và 3,5%. Giá cao su xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2019 đạt 1.370 USD/tấn, giảm 5,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 7/2019 ước đạt 62 nghìn tấn với giá trị đạt 107 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 7 tháng đầu năm đạt 375 nghìn tấn với giá trị 653 triệu USD, tăng 11,9% về khối lượng và tăng 6,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2018. Bốn thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu trong 6 tháng đầu năm 2019 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào và Đài Loan, chiếm 53,3% thị phần.

Trên thị trường thế giới, kết thúc ngày 19/7/2019 của tuần giao dịch, giá cao su tại tất cả các sàn giao dịch hồi phục nhẹ so với tuần trước đó hợp đồng tương lai trên sàn Tokyo (TOCOM) đã tăng phiên thứ 4 liên tiếp vào ngày thứ Sáu, đồng thời với sàn

Thượng Hải (SHFE), nhờ doanh số bán ô tô của Mỹ đã tăng lên trong tháng 6/2019. Cụ thể:

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), ngày 22/7/2019, giá cao su giao kỳ hạn tháng 8/2019 giao dịch ở mức 227,8 Yên/kg (tương đương 2,11 USD/kg), giảm 2,4% so với cuối tháng 6/2019.

+ Tại Thượng Hải, giá cao su giao kỳ hạn tháng 8/2019 ngày 22/7/2019, giao dịch ở mức 10.490 NDT/tấn (tương đương 1,53 USD/kg), giảm 7,5% so với cuối tháng 6/2019.

+ Tại Thái Lan, giá cao su RSS3 giảm mạnh so với cuối tháng 6/2019. Ngày 19/7/2019, giá cao su RSS3 tại Thái Lan chào bán ở mức 53,0 Baht/kg (tương đương 1,72 USD/kg), giảm 14,2% so với cuối tháng 6/2019.

Thị trường cao su nguyên liệu trong nước biến động tăng nhẹ trong tháng qua cùng với xu hướng của thị trường thế giới. Tại thủ phủ cao su Bình Phước, giá mủ nước ngày 17/7 tăng lên 265 đồng/độ, so với 260 đồng/độ vào đầu tháng. Giá mủ tại Đồng Nai không thay đổi ở mức 12.000 đồng/kg.

9

Triển vọng thương mại song phương giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết. Nếu căng thẳng gia tăng, kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng chậm lại, làm giảm giá dầu đồng thời kéo giảm nhu cầu cao su. Hiện tại, xuất khẩu cao su của Việt Nam chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi sự leo thang của xung đột thương mại Mỹ – Trung, giá cao su nguyên liệu và xuất khẩu vẫn duy trì đà phục hồi do nguồn cung tại các nước sản xuất lớn bị hạn chế.

9. Thủy sản

Theo số liệu mới nhất của Cục Nghề cá biển Mỹ (NMFS), nhập khẩu phile cá tra đông lạnh của Mỹ trong tháng 5/2019 tuy có nhích nhẹ về khối lượng nhưng lại sụt giảm về giá trị so với tháng trước đó. Giá bình quân đạt 3,82 USD/kg, giảm so với 4,31 USD/kg đạt được trong tháng trước. Giá bình quân nhập khẩu tôm của Mỹ trong tháng 5/2019 đạt 8,25 USD/kg, tương đương với mức đạt được trong tháng trước.

Trong khi đó, giá bán buôn cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng qua tiếp tục xu hướng giảm khoảng 1.000 đ/kg so với tháng trước xuống còn 21.000-22.000 đ/kg đối với cá tra loại I (800-900g/con), trong khi giá thu mua tại trang trại chỉ trong khoảng 20.000-21.000 đ/kg. Lượng bắt của các doanh nghiệp ở mức thấp, chủ yếu bắt cá ao nhà và hạn chế mua ngoài.

Giá tôm nguyên liệu trong tháng 7/2019 có xu hướng giảm khá mạnh với cả tôm sú và tôm thẻ chân trắng do hiện nay số lượng đơn hàng xuất khẩu thấp. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg giảm 75.000đ so với tháng trước xuống còn 165.000 đ/kg, cỡ 30 con/kg giảm 65.000 đ xuống mức 145.000 đ/kg, cỡ 40 con giảm 25.000đ còn 125.000 đ/kg. Giá tôm thẻ ướp đá tuần này cũng giảm ở hầu hết các cỡ: cỡ 60 con/kg giảm 7.000đ xuống 88.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg giảm 1.000đ còn 84.000đ/kg, cỡ 100 con/kg giảm 2.000đ còn 70.000 đ/kg.

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 7/2019 ước đạt 785 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt gần 4,7 tỷ USD, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2018. Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2019, chiếm 55,9% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 6 tháng đầu năm 2019, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Mexico (+21,3%), Đài Loan (+16,6%), Malaysia (+13,2) và Nhật Bản (+11%).

Giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 7/2019 ước đạt 167 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2019 đạt 1,05 tỷ USD, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm 2018. Thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất trong 6 tháng đầu năm 2019 là Ấn Độ (chiếm 12,3% thị phần), tiếp đến là Na Uy và Trung Quốc với thị phần lần lượt là 11,8% và 8%. Trong 6 tháng đầu năm 2019 thị trường có giá trị nhập khẩu thủy sản tăng mạnh nhất so với cùng kỳ năm 2018 là Philippin (gấp 2,63 lần), ngược lại thị trường có giá trị nhập khẩu thủy sản giảm mạnh nhất là Ấn Độ (-53,1%) so với cùng kỳ năm 2018.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, thị trường xuất khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam là EU, đạt 300,5 triệu USD, giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2018. Anh, Đức, Hà Lan là ba thị trường nhập khẩu chính tôm của Việt Nam trong khối, tuy nhiên so với 2018 đã giảm lần lượt 9,5%, 12,5% và 50,2%. Tuy nhiên trong thời gian tới, ngành tôm Việt Nam kỳ vọng có thể phục hồi xuất khẩu sang thị trường này nhờ tác động tích cực của Hiệp định thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) đã được ký kết tại Hà Nội vào 30/6/2019 và dự kiến sẽ được các nước thành viên EU thông qua để chính thức có hiệu lực trong thời gian tới. Theo đó, thuế nhập khẩu tôm nguyên liệu mã HS 03061100 (tôm hùm xanh ướp đá; tôm sú HOSO, DP đông lạnh; tôm sắt PD tươi đông lạnh; tôm hùm xanh ướp đá; tôm mũ ni vỏ, nguyên con, xẻ đông lạnh...) từ Việt Nam vào EU sẽ về 0%, từ mức hiện tại là 12,5%; thuế sản phẩm tôm mã HS 03061710 (tôm sú PD đông lạnh, tôm sú nguyên con HOSO đông lạnh, tôm sú lật đầu còn vỏ, tôm sú tươi đông lạnh, tôm sú thịt đông lạnh, tôm sú HLSO tươi đông lạnh, tôm sú đông IQF, tôm thẻ thịt

đông lạnh...) về 0%, từ 20% hiện tại; tôm mã HS 03061791, 03061792, 03061793, 03061799 sẽ giảm thuế về 0%, từ 12% hiện tại; tôm mã HS 03061794 sẽ giảm về 0%, từ 18% hiện tại sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Đối với sản phẩm tôm chế biến, tôm mã HS 16052110 (tôm dạng bột nhão) từ mức 20% hiện tại sẽ điều chỉnh về 0% sau 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực; tôm mã HS 16052190 (tôm khác) từ 20% về 0% sau 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

10. Sản phẩm chăn nuôi

Giá lợn nạc giao tháng 8/2019 thị trường Chicago, Mỹ biến động tăng trong tháng qua với mức tăng 10,175 UScent/lb lên 86,175 UScent/lb. Giá lợn tăng do thị trường hy vọng rằng việc nối lại các cuộc đàm phán thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có thể thúc đẩy doanh số xuất khẩu thịt lợn của Mỹ sang Trung Quốc, khi quốc gia châu Á này đang cố gắng ngăn chặn sự bùng phát của dịch tả lợn châu Phi. Mặc dù mức thuế đối với thịt lợn Mỹ nhập vào Trung Quốc đã tăng từ 12% lên 62% như một biện pháp đáp trả của chính phủ Trung Quốc, xuất khẩu thịt lợn của nước này sang Trung Quốc (tính cả Hong Kong) trong tháng 5/2019 đã tăng 33% so với cùng kỳ năm 2018.

11

Trong tháng 7/2019, giá lợn hơi trong nước biến động tăng tại miền Bắc do nguồn cung thịt lợn không còn dồi dào bởi ảnh hưởng từ dịch tả lợn châu Phi. Giá lợn hơi tại miền Bắc tăng 2.000 – 6.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại Hà Nam, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang dao động trong khoảng 36.000 - 39.000 đ/kg; Hưng Yên, Nam Định, Hà Nội, Lào Cai, Thái Nguyên thu mua ở mức 40.000 - 41.000 đ/kg; tại Hải Dương, Thái Bình, Hải Phòng, Bắc Kạn, Hà Giang, Quảng Ninh, Điện Biên khoảng 42.000 - 45.000 đ/kg.

Trong khi đó, giá lợn hơi tại miền Trung giảm nhẹ 1.000 đ/kg. Giá lợn hơi tại Thừa Thiên Huế giảm còn 30.000 đ/kg, Quảng Trị cũng giảm nhẹ 1.000 đồng xuống 33.000 đ/kg, các địa phương khác, giá lợn hơi dao động trong khoảng 32.000 - 41.000 đ/kg, các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An và Bình Thuận đạt 40.000 - 41.000 đ/kg. Tương tự, giá lợn hơi tại miền Nam giảm 3.000 – 5.000 đ/kg do nhu cầu tiêu thụ ở mức thấp. Giá lợn tại Tây Ninh hiện là 29.000 đ/kg, Tiền Giang giảm còn 27.000 đ/kg. Tại Bến Tre, Đồng Nai giá lợn hơi dao động trong khoảng 28.000 - 29.000 đ/kg; các tỉnh Bình Phước, Vũng Tàu, Trà Vinh, Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp đạt mức phổ biến 30.000 - 31.000 đ/kg. Long An, An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu có giá cao hơn khoảng 1.000 - 2.000 đ/kg. Dự báo, giá lợn hơi thời gian tới sẽ tăng do nguồn cung thịt lợn không còn nhiều.

Trong tháng 7/2019, giá thu mua gà và trứng tại trại giảm do nguồn cung dồi dào. Giá gà thịt lông màu tại ĐBSCL giảm 1.000 đ/kg xuống còn 40.000 đ/kg. Giá gà thịt lông trắng tại khu vực Đông Nam Bộ và ĐBSCL giảm 3.000 – 4.000 đ/kg, hiện ở mức 23.000 – 24.000 đ/kg. Giá trứng gà tại trại 1.450 – 1.550 đ/kg, giảm 100 đ/kg so với tháng trước. Dự báo các tháng tới giá sản phẩm gà và trứng sẽ tăng do nhu cầu tiêu thụ vào các dịp lễ, tết cuối năm tăng lên.

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 7/2019 ước đạt 63 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 388 triệu USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2018. Sáu tháng đầu năm 2019 giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm đạt gần 12,5 triệu USD, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm 2018; Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ lợn đạt 38,1 triệu USD, tăng 96,4% so với cùng kỳ năm 2018, chủ yếu nhờ lượng xuất khẩu sang Hồng Kong và Trung Quốc tăng mạnh, với sản phẩm chính là lợn sữa đông lạnh. Tuy nhiên xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi đến cuối năm sẽ không tăng nhiều do lượng hàng xuất khẩu chính ngạch của Việt Nam vẫn còn hạn chế, khó cạnh tranh với các thị trường cung cấp khác như Mỹ, Canada, Brazil...

12

11. Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 7/2019 ước đạt 837 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 7 tháng đầu năm 2019 ước đạt 5,66 tỷ USD, tăng 16,1% so với cùng kỳ năm 2018. Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc tiếp tục duy trì vị trí 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2019 với 79,7% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Các thị trường có giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh là Ả Rập xê út (tăng 45,2%), Mỹ (tăng 32,2%), Đài Loan (tăng 23,6%), Nhật Bản (tăng 20%) và Đức (tăng 17,8%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu tháng 7/2019 ước đạt 206 triệu USD, đưa tổng giá trị gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu 7 tháng đầu năm đạt 1,44 tỷ USD, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Trung Quốc là thị trường lớn nhất của Việt Nam với 20,5% thị phần. Các thị trường có giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tăng mạnh là: Italy (tăng 69,2%), Lào (tăng 47,6%) và Trung Quốc (tăng 12,7%). Ngược lại, thị trường có giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ giảm mạnh nhất là Campuchia (giảm 62,3%).

Trên thị trường thế giới, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của các nhà xuất khẩu lớn diễn biến trái chiều. Sản xuất gỗ tròn của Indonesia trong nửa đầu năm 2019

giảm 21% so với cùng kỳ năm 2018. Sự sụt giảm trong sản xuất gỗ vào đầu năm 2019 của Indonesia chủ yếu do nhu cầu nguyên liệu thô phục vụ chế biến gỗ xuất khẩu giảm. Theo thống kê của Bộ Môi trường và Lâm nghiệp Indonesia, trong quý đầu tiên của năm nay, xuất khẩu các sản phẩm gỗ chế biến của Indonesia đạt 2,82 tỉ USD, giảm 18% so với năm trước. Tại Brazil, xuất khẩu đồ gỗ nội thất của Brazil trong quý đầu 2019 tăng 18% so với năm 2018. Trong đó, các thị trường chính cho xuất khẩu đồ nội thất của nước này là Mỹ, tiếp theo là Uruguay, Chile, Colombia và Ả Rập xê út.

Nhằm giảm thiểu những rủi ro mới phát sinh trong bối cảnh xung đột thương mại, các cơ quan chức năng cần phối hợp với địa phương rà soát tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp FDI; các dòng sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam sang Mỹ cũng như từ Trung Quốc vào Việt Nam nhằm xác định các rủi ro về gian lận thương mại. Quy trình cấp phép chứng nhận nguồn gốc xuất xứ cũng cần phải được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo việc cấp giấy chứng nhận chỉ cấp cho các doanh nghiệp và sản phẩm có đủ điều kiện. Các hiệp hội chú trọng việc cập nhật thông tin từ đối tác và các cơ quan chức năng để thông báo cho các hội viên, tránh các rủi ro không đáng có trong thương mại.

13

MỘT SỐ LƯU Ý

- **Rau quả:** Nhiều loại trái cây trong nước như sầu riêng, mít đã tăng giá trở lại do thương lái Trung Quốc đẩy mạnh thu mua, do nhu cầu tiêu dùng trái cây tươi tại Trung Quốc đang tăng cao. Các thương nhân, doanh nghiệp cần đẩy mạnh xuất khẩu để giải phóng nguồn cung đang vào chính vụ.
- **Điều:** Trong bối cảnh giá điều thô nhập khẩu có xu hướng tăng trong tương lai và giá điều nhân xuất khẩu diễn biến thất thường, các doanh nghiệp chế biến điều không nên ký hợp đồng tương lai khi không có lãi hoặc chưa có dự trữ điều thô trong kho.
- **Chăn nuôi:** Giá thịt lợn hơi đang có xu hướng tăng cao do nguồn cung đang cạn dần bởi tác động của dịch tả lợn Châu Phi. Người chăn nuôi cần chú ý các biện pháp phòng bệnh theo hướng dẫn của thú y cơ sở, chỉ tăng đàn khi đã đảm bảo các điều kiện về phòng bệnh.